

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂN AN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST  
Ngày: 25-3-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Nghiêm

Bà Nguyễn Huỳnh Điệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hữu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phan Thị B, sinh năm 1981; cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Phan Thị T, sinh năm 1966; cư trú tại: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 01 năm 2021).

**- Bị đơn:**

1. Bà Lê Thị N, sinh năm 1986;

2. Ông Ngô Hồng X, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ cư trú: Đường P, khu phố N, phường T, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà B, bà N và ông X có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phan Thị B và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phan Thị T trình bày:*

Bà P và bà Lê Thị N làm công nhân chung tại Công ty may túi xách S, khu công nghiệp T, tỉnh Tiền Giang. Vì quen biết nhau nên bà P tin tưởng bà N và ngày 11 tháng 8 năm 2019, bà P có cho bà N vay số tiền 120.000.000 đồng, không lãi suất để bà N chăn nuôi bò. Bà N hẹn vài tháng sau sẽ trả nhưng không thực hiện. Đến ngày 11 tháng 12 năm 2019, bà P có đến nhà gặp bà N để yêu cầu bà N trả nợ. Bà N và chồng là ông Ngô Hồng X có hứa mỗi tháng trở đi trả cho bà P số tiền 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ; cùng ngày, bà N và ông X có viết giấy cam kết nhưng thực tế cũng không thực hiện đúng lời hứa và lẩn tránh việc trả nợ cho bà P. Nay bà P khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Lê Thị N và ông Ngô Hồng X trả một lần hết số tiền 120.000.000 đồng cho bà P.

*Bị đơn bà Lê Thị N trình bày:* Bà N thừa nhận lời trình bày của bà P về mối quan hệ quen biết giữa hai bên đồng thời thừa nhận chữ ký và chữ viết trong tờ giấy có nội dung “mượn tiền” ngày 11 tháng 12 năm 2019 là do chính bà viết và ký tên, có cả chữ ký và viết tên của chồng bà là ông Ngô Hồng X. Tuy nhiên, ông X không biết việc bà N mượn tiền của bà P. Bà N xác định còn thiếu của bà P số nợ 120.000.000 đồng và đồng ý cùng chồng trả số nợ này cho bà P. Tuy nhiên, gia đình làm ăn thất bại, đang gặp nhiều khó khăn, phải nuôi con nhỏ nên vợ chồng không có khả năng trả hết nợ cho bà P một lần, đề nghị bà P tạo điều kiện để vợ chồng bà N trả nợ theo cách thức mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ.

*Bị đơn ông Ngô Hồng X trình bày:* Ông X là chồng của bà Lê Thị N. Ông X không biết bà N vay mượn tiền của bà P để làm gì nhưng ông X xác định ông có ký tên vào tờ “Giấy mượn tiền” ngày 11 tháng 12 năm 2019 như bà N trình bày. Tuy nhiên, khi ký tên vào tờ “Giấy mượn tiền” là do bị các chủ nợ ép buộc. Hiện nay, vợ chồng ông X đang thiếu nợ rất nhiều người, số tiền lên đến hơn 02 tỷ đồng nên vợ chồng phải đi làm ăn tại Đồng Nai để kiếm tiền trả nợ và lo cho các con đang tuổi ăn tuổi học. Ông đồng ý cùng vợ là bà N trả nợ theo yêu cầu của bà P nhưng do gia đình rất khó khăn, hai vợ chồng làm công nhân thu nhập không cao lại mắc nợ nhiều người nên khả năng có bao nhiêu sẽ trả bấy nhiêu cho đến khi hết nợ mà không thể trả hết một lần theo yêu cầu của bà P.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Để củng cố chứng cứ khởi kiện, nguyên đơn có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết tên của bị đơn trong tờ “Giấy mượn tiền” ngày 11 tháng 12 năm 2019. Tại bản Kết luận giám định số 909/2021/KLGD ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Long An xác định chữ viết, chữ ký tên trong tờ “Giấy mượn tiền” ngày 11 tháng 12 năm 2019 là do chính bà Lê Thị N và ông Ngô Hồng X viết, ký tên.

Tại phiên tòa, các đương sự đều có mặt và không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Bà Phan Thị T đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng bị đơn liên đới trả một lần số tiền nợ là 120.000.000 đồng, không yêu cầu lãi. Bị đơn thừa nhận có nợ và đồng ý trả cho bà P số tiền 120.000.000 đồng theo Tờ “Giấy mượn tiền” ngày 11 tháng 12 năm 2019 nhưng bị đơn đề nghị trả dần theo phương thức như sau: Bà N đề nghị mỗi tháng trả cho bà P số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ và ông X đề nghị có bao nhiêu sẽ trả bấy nhiêu cho đến khi trả hết nợ và không xác định được thời hạn trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện giữa bà Phan Thị B và bà Lê Thị N cùng ông Ngô Hồng X có xác lập giao dịch vay tài sản vào ngày 11 tháng 12 năm 2019 với số tiền 120.000.000 đồng, không lãi suất và không xác định thời hạn vay. Trước khi khởi kiện ra Tòa án, nguyên đơn có yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải nhưng bà N và ông X vắng mặt. Bản Kết luận giám định số 909/2021/KLGĐ ngày 15/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Long An xác định chữ ký và chữ viết tên trong Tờ “Giấy mượn tiền” ngày 11/12/2019 là của bà Lê Thị N và ông Ngô Hồng X. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Bị đơn thừa nhận và đồng ý trả số nợ đã vay là 120.000.000 đồng đồng thời bị đơn xin được trả dần số nợ vay nhưng đại diện nguyên đơn không đồng ý và pháp luật không có quy định nên không có cơ sở chấp nhận. Từ các căn cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà N và ông X liên đới trả cho bà P số tiền 120.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Bà Phan Thị B khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Lê Thị N và ông Ngô Hồng X, cư trú tại phường T, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Về yêu cầu trả số tiền nợ 120.000.000 đồng: Căn cứ Bản Kết luận giám định số 909/2021/KLGĐ ngày 15/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Long An và lời trình bày của bị đơn xác định chữ ký và chữ viết “Lê Thị N”, “Ngô Hồng X” trong tờ “Giấy mượn tiền” ngày 11 tháng 12 năm 2019 do chính vợ chồng bà Lê Thị N và ông Ngô Hồng X viết và ký tên. Các đương sự trình bày thống nhất với nhau về số tiền mà bị đơn bà Lê Thị N đã vay và còn thiếu của nguyên đơn bà Phan Thị B là 120.000.000 đồng, không lãi suất. Trong tờ “Giấy mượn tiền”, bị đơn cam kết mỗi tháng trả cho nguyên đơn 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ

nhưng bị đơn không thực hiện. Như vậy, giữa bà P và vợ chồng bà N, ông X có xác lập với nhau hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi theo Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về yêu cầu vợ chồng bà Lê Thị N và ông Ngô Hồng X liên đới trả nợ: Nguyên đơn xác định việc ông X ký tên vào tờ “Giấy mượn tiền” ngày 11 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện, không ai đe dọa, ép buộc. Bà N trình bày khi bà vay tiền của bà P thì không báo cho ông X biết, bà vay tiền của bà P để cho người khác vay lại rồi lấy tiền lãi phát sinh để chi tiêu sinh hoạt cho cuộc sống hàng ngày của gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà N và ông X là vợ chồng hợp pháp. Bà N xác định việc vay tiền của bà P sau đó cho người khác vay lại nhằm hưởng lãi phát sinh để chi tiêu cho sinh hoạt thiết yếu hàng ngày của gia đình do hai vợ chồng làm công nhân thu nhập không đủ trang trải, chi tiêu cho gia đình và ông X không phủ nhận lời trình bày này của bà N. Tuy ông X trình bày ông không biết việc bà N vay tiền của bà P dùng vào mục đích gì nhưng ông đồng ý cùng bà N liên đới trả nợ cho bà P. Do đó cần buộc ông X liên đới cùng bà N trả số nợ 120.000.000 đồng cho bà P là có căn cứ khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Xét yêu cầu trả dần nợ vay của bị đơn thấy rằng: Tại tờ “Giấy mượn tiền” đề ngày 11 tháng 12 năm 2019 do bà N lập, có bà N và ông X ký tên thể hiện nội dung cam kết trả số nợ còn thiếu cho bà P theo phương thức mỗi tháng trả 5.000.000 triệu đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, bà N và ông X đã không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết và luôn lần tránh bà P. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà P, nay lại yêu cầu trả dần số nợ nhưng lại không xác định được cụ thể thời hạn trả đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn được pháp luật bảo vệ. Nguyên đơn không đồng ý đề nghị trả dần nợ vay của bị đơn và pháp luật cũng không quy định việc trả dần nên Hội đồng xét xử không chấp nhận việc xin trả dần của bị đơn.

Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị B, buộc vợ chồng bà Lê Thị N và ông Ngô Hồng X phải liên đới trả cho bà P số tiền nợ còn thiếu là 120.000.000 đồng.

[3] Về nghĩa vụ chịu chi phí giám định: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị đơn bà Lê Thị N và ông Ngô Hồng X không đến Tòa án theo thông báo, giấy triệu tập đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Để củng cố chứng cứ khởi kiện, đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Phan Thị T có đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ ký tên của bà N và ông X trong tờ “Giấy mượn tiền” đề ngày 11 tháng 12 năm 2019. Kết quả giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 5.000.000 đồng. Chi phí này nguyên đơn đã tạm ứng và thanh toán xong; do đó, bị đơn bà N và ông X có nghĩa vụ liên đới hoàn trả toàn bộ số tiền 5.000.000 đồng cho bà P.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị B được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị N và ông Ngô Hồng X phải liên đới chịu án phí

trên số tiền phải hoàn trả cho bà P, cụ thể:  
 $120.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.000.000 \text{ đồng}.$

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, 147, 161, 162, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 280, 288, 469, 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị B đối với bị đơn bà Lê Thị N và ông Ngô Hồng X về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Lê Thị N và ông Ngô Hồng X phải liên đới trả cho bà Phan Thị B số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Lê Thị N và ông Ngô Hồng X phải liên đới chịu 6.000.000 (sáu triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

- Bà Phan Thị B không phải chịu án phí; bà P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 (ba triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005129 ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

4. Về chi phí giám định: Buộc bà Lê Thị N và ông Ngô Hồng X phải liên đới chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng chi phí giám định chữ ký và chữ viết, do bà P đã tạm nộp và chi phí xong nên bà N và ông X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS tp. Tân An;
- Các đương sự (03);
- Lưu: HS vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Toàn Vẹn**